**Bài 1: Dịch các câu sau sang TIẾNG NHẬT:**

1. Hàng ngày bạn thức dậy lúc mấy giờ?

2. Tôi ngủ lúc 12h đêm

3. Chủ nhật tôi đi Nara

4. Ngân hàng mở cửa từ 8h sáng đến 5h chiều

5. Thứ 7 và chủ nhật, tôi học tiếng Anh.

6. Bây giờ là mấy giờ?

**Bài 2: Sắp xếp các câu sau đây và dịch sang TIẾNG VIỆT:**

1. に　まいにち　は　わたし　時　六　おきます。

→Dịch:

2. は　　ニューヨーク　なん　ですか　時　　いま　　？

LIVEWORKSHEETS

→

3. 二十　十二　分　時　です。

→

4. 十一　このう　ねました　に　時　。

→

**Bài 3: Chọn đáp án đúng điền vào dấu** 

1. デパートは _____ _____ _____ _____ です。

A まで　B から　C 7時　D 17時

2. ____ 10 _____ _____ _____します。

A まいにち　B 時　C べんきょう　D まで

3. わたし _____ _____ _____ _____ です。

A 4 5 2 9 8 0　B の　C は　D ばんごう

4. ゆうびんきょくのやすみ ____ _____ _____ _____です。

A と　B 日曜日　C 月曜日　D は

LIVEWORKSHEETS

**Bài 4: Hoàn thành bảng sau:**

| | Hiện tại/ Tương lai | _____ |
|---|---|---|
| Khẳng định (+) | （おき）_____ | （おき）ました |
| Phụ định (-) | （おき）_____ | （おき）_____ |

LIVEWORKSHEETS